

Số: 17 /NQ-HĐND

Mèo Vạc, ngày 22 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 12 năm 2022 của
UBND tỉnh Hà Giang về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12, Ban chấp hành Đảng bộ huyện
Mèo Vạc khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;*

*Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện, Viện Kiểm
sát nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến tham gia của
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các cơ quan liên quan và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện quan điểm, định hướng về phát triển kinh tế xã hội của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, các Nghị quyết chuyên đề giai đoạn 2021-2025 của Huyện ủy đã ban hành. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế biên mậu gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa - kiến trúc nhà truyền thống các dân tộc thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ. Nâng cao giá trị sản xuất, xây dựng các chuỗi giá trị bền vững gắn với tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả thu hút các dự án đầu tư vào huyện tạo động lực phát triển; thực hiện đồng bộ, hiệu quả chuyển đổi số. Chú trọng phát triển văn hóa, chăm lo sức khỏe và đời sống tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ; quản lý chặt chẽ, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động hội nhập và hợp



tác phát triển; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định trật tự an toàn xã hội, đường biên, mốc giới.

Điều 2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 32 triệu đồng/năm.
- (2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 287,587 tỷ đồng.
- (3) Thu hút khách du lịch: 400 nghìn lượt người.
- (4) Tỷ lệ che phủ rừng: 37,20%.
- (5) Tỷ lệ đô thị hóa: 8,5%.
- (6) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện: 91%.
- (7) Số tiêu chí xã NTM tăng trong năm: 13 tiêu chí; số tiêu chí thôn NTM tăng trong năm: 70 tiêu chí; duy trì và nâng cao chất lượng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới: 01 xã (xã Pả Vi).
- (8) Tỷ lệ thôn biên giới có điện đạt tiêu chí NTM: 97,3%. Tỷ lệ thôn biên giới có đường giao thông và nhà văn hóa đạt tiêu chí NTM: 95%.
- (9) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị: 99%.
- (10) Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 93,2%.
- (11) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 6,31%/năm (giảm 1.104 hộ).
- (12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (lũy kế tiến) đạt 53%, trong đó xuất khẩu lao động và đi làm việc ngoài tỉnh 1.200 lao động.
- (13) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia (lũy kế): 26,41%.
- (14). Tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh: 97,8% trở lên.
- (15) Tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đến trường: 98,3% trở lên.
- (16) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,44%.
- (17) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo cân nặng) giảm còn 21,2%.
- (18) Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin: 96%.
- (19) Số người tham gia bảo hiểm y tế: 90.350 người.
- (20) Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 3.181 người.
- (21) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 1.344 người.
- (22) Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 2.799 người.
- (23) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận làng văn hóa: 65,33%.
- (24) Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa: 66,80% (11.984 hộ).
- (25) Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT: 97,3%.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Hội đồng nhân dân huyện tán thành các nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân dân huyện, Tòa án nhân dân huyện, Viện Kiểm sát nhân dân huyện trình, đồng thời đề nghị UBND huyện và các cơ quan liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Tiếp tục triển khai đồng bộ Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 29/3/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Mèo Vạc. Tập trung huy động nguồn lực, triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ, chương trình tín dụng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

2. Triển khai đồng bộ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế. Huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện chương trình; đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ, tránh chồng chéo, trùng lặp. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

3. Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án số 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Tăng cường hoạt động của Ban điều hành, Ban chỉ đạo, Tổ công nghệ số cộng đồng. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện mua bán sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm OCOP và các sản phẩm tiêu biểu của huyện. Nghiên cứu triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0 thị trấn Mèo Vạc ra chợ phiên tại các xã. Thực hiện có hiệu quả thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các dịch vụ giáo dục đại trà trực tuyến mở để phục vụ xã hội học tập.

4. Tập trung phát triển mạnh các lĩnh vực công nghiệp - thủ công nghiệp, nông - lâm nghiệp dựa trên đặc trưng, thế mạnh của địa phương; tiếp tục phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ

- Về phát triển nông, lâm nghiệp:

Tiếp tục triển khai và vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển kinh tế nông nghiệp và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đề án cải tạo vườn tạp, đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP)... Đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa tập trung, tăng cường hiệu quả công tác khuyến nông, ứng dụng KHKT vào sản xuất tạo ra sản phẩm sạch, có chất lượng cao và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, đưa các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất.

Tiếp tục khuyến khích đầu tư phát triển các mô hình trang trại, gia trại vừa và nhỏ để phát triển nuôi bò hàng hóa gắn với trồng cỏ chăn nuôi, khuyến khích phát triển các vật nuôi có tiềm năng, thế mạnh của địa phương như bò vàng, lợn

đen bản địa (lợn đen Lũng Pù), ong mật, gà đen theo hướng hàng hóa và theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng các sản phẩm OCOP đặc trưng, sản phẩm phục vụ du lịch; khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước, khuyến khích thu hút đầu tư, hỗ trợ sản xuất phát triển nghề nuôi trồng thủy sản trên các lòng hồ thủy điện; Chủ động thực hiện tốt công tác phòng chống đói rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

Triển khai trồng rừng tập trung và thực hiện có hiệu quả dự án đầu tư khoán khoán nuôi bảo vệ và phát triển rừng ở các xã, thị trấn. Tiếp tục triển khai chương trình trồng 1 tỷ cây xanh tại địa bàn huyện, phối hợp triển khai “dự án một vạn cây xanh cho Mèo Vạc” giai đoạn 2021 - 2024; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- *Về sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp:* Thực hiện tốt công tác khuyến công đối với các ngành nghề truyền thống của địa phương, duy trì các thương hiệu, nhãn mác hàng hoá... sản xuất một số mặt hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng và du lịch. Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 1.158,51 tỷ đồng, trong đó: Sản lượng điện phát ra 1.010 triệu Kwh, giá trị 1.098 tỷ đồng.

- *Về thương mại, dịch vụ, du lịch:* Đẩy mạnh các hoạt động thương mại dịch vụ; mở rộng mạng lưới bán buôn bán lẻ... đi đôi với tăng cường quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành. Phát triển đồng bộ các loại hình dịch vụ vận tải; bưu chính viễn thông; công nghệ thông tin, mở rộng mạng lưới dịch vụ phục vụ sản xuất ở nông thôn. Phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp với cơ chế thị trường.

Tiếp tục triển khai thực hiện đề án phát triển du lịch huyện Mèo Vạc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao dựa trên các lợi thế về tài nguyên du lịch; tích cực triển khai hiệu quả công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; tập trung xây dựng các điểm đến phục vụ du lịch trên địa bàn huyện. Phần đầu lượt khách du lịch đến với huyện trong năm là 400.000 lượt người (*trong đó có 6.000 lượt khách quốc tế*). Doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 200 tỷ đồng.

5. Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cải thiện cơ sở hạ tầng, quản lý tốt quy hoạch xây dựng; đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục huy động sự vào cuộc cả hệ thống chính trị để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục đầu tư, nhất là công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng, thẩm định dự án để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công. Nâng cao trách nhiệm của các chủ đầu tư trong việc lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án; đồng thời, tăng cường năng lực cán bộ Ban quản

lý dự án. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư, kiên quyết xử lý vi phạm theo quy định.

Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Ngày thứ 7 cán bộ và nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới” gắn với triển khai thực hiện chương trình cải tạo vườn tạp đẩy mạnh việc kêu gọi xã hội hóa, vận động tài trợ để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn theo phương thức “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ô tô từ Km160+500 QL4C đi Mốc 456; nâng cấp cải tạo đường Tát Ngà - Nậm Ban, nâng cấp cải tạo đường Lũng Phìn - Lũng Chinh, đường ô tô từ Thủy điện Nho Quế 2 đi ngã 3 xã Sơn Vĩ... đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình theo thiết kế kỹ thuật phê duyệt.

Tiếp tục quản lý chặt chẽ quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, đô thị, hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch; thực hiện tốt việc quản lý cấp phép xây dựng trên địa bàn. Hoàn thành thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã, giai đoạn 2021-2030; triển khai lập một số Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn thị trấn và một số khu du lịch, trung tâm các xã trên địa bàn huyện

6. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách và các giải pháp của trung ương, của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Khuyến khích khởi nghiệp, hỗ trợ các hộ kinh doanh có điều kiện chuyển đổi sang mô hình hợp tác xã; thực hiện tốt việc đăng ký kinh doanh, quản lý sau đăng ký kinh doanh, đảm bảo các thành phần kinh tế hoạt động đúng luật, có hiệu quả và đóng góp tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư, đầu tư vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, du lịch, dịch vụ (đầu tư xây dựng cây xăng tại xã Xín Cái và xã Niêm Sơn...). Tiếp tục triển khai các bước đầu tư dự án Khu đô thị mới Cao nguyên đá huyện Mèo Vạc theo quy định của pháp luật. Lập quy hoạch chi tiết, các dự án thu hút đầu tư phát triển du lịch, khu nghỉ dưỡng khu vực Đèo Mã Pì Lèng, lòng hồ thủy điện Nho Quế 1, khu đô thị sinh thái thị trấn Mèo Vạc.

7. Điều hành ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả; phát triển tín dụng

Thực hiện tốt Luật Ngân sách, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm. Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý ngân sách, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị dự toán. Phân bổ vốn đầu tư phát triển có trọng tâm, trọng điểm, khắc phục đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn huyện. Triển khai đồng bộ, quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách; khai thác, phát triển nguồn thu mang tính bền vững, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế, nhất là các doanh nghiệp, hộ gia đình làm dịch vụ du lịch; phân tích, đánh giá và giao chỉ tiêu cụ

thể theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế; tích cực khai thác, tăng nguồn thu, phấn đấu số thu thuế và phí năm 2023 đạt 287,587 tỷ đồng.

Mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tín dụng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh huy động vốn; kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh.

8. Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt chẽ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí; giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường. Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, trọng tâm là kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động các phương án phòng chống thiên tai, huy động các nguồn lực xã hội để khắc phục hậu quả, bảo đảm nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

9. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; y tế, văn hóa - xã hội và đảm bảo chính sách an sinh xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng ngay từ các trường phổ thông. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trong đầu tư trường, lớp học; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong dạy và học, chú trọng giáo dục đạo đức tư tưởng, đạo đức nhân cách trong nhà trường. Phấn đấu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 26,41%. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền vận động học sinh trong độ tuổi đến trường và duy trì sĩ số học sinh hàng ngày; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ yếu kém, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học.

Tăng cường nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của trung ương, của tỉnh, huyện. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2023. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác dân số - KHHGĐ, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3. Tiếp tục mở rộng mạng lưới đại lý thu BHXH tự nguyện; khuyến khích vận động, phát triển đối tượng tham gia BHXH, đặc biệt là BHXH tự nguyện.

Tổ chức tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn nghệ quần chúng, thể dục, thể thao; duy trì và nâng cao chất lượng làng văn hóa du lịch cộng đồng, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số; khôi phục và phát triển các lễ hội văn hóa dân gian độc đáo trở

thành sản phẩm phục vụ du lịch. Nâng cao chất lượng và phát triển các lễ hội, sự kiện trên địa bàn huyện. Thực hiện đưa văn hoá, thể thao về cơ sở góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo thực hiện đầy đủ đúng đối tượng. Thực hiện tốt các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, chú trọng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; tăng cường thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Phân đầu số lao động được giải quyết việc làm mới cho 2.000 người, trong đó: Xuất khẩu lao động, đi làm việc ngoài tỉnh là 1.200 người, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 6,31% trở lên, tỷ lệ hộ cận nghèo từ 1,84% trở lên, số hộ thoát nghèo 1.104 hộ, tỷ lệ lao động qua đào tạo lên (lũy kế) 53%.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, đẩy mạnh chữ ký số chuyên dùng và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn huyện; tiếp tục thực hiện kế hoạch rà soát sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công chức cấp xã theo hướng tinh gọn, phù hợp theo vị trí việc làm, triển khai thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ huyện về phát triển nguồn cán bộ là người Mông trên địa bàn huyện Mèo Vạc giai đoạn 2019-2025.

- Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, khắc phục triệt để sự chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm công tác quản lý nhà nước các cấp, các ngành trên các lĩnh vực quản lý; chú trọng thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Tăng cường đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra; nâng cao tỷ lệ thu hồi sau thanh tra.

12. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

- Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Giao quân năm 2023 đạt 100% quân số. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng khu dân cư xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trường học và doanh nghiệp đạt 97,3% an toàn về an ninh trật tự. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại với các huyện đối đảng của Trung Quốc để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh; thường xuyên trao đổi thông tin diễn biến, tình hình dịch bệnh Covid-19 để có biện pháp phối hợp phòng, chống hiệu quả. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị hợp tác cùng phát triển.

Điều 4. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân huyện; Tòa án nhân dân huyện; Viện Kiểm sát nhân dân huyện; các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban Hội đồng nhân dân; các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Mèo Vạc, các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát, tuyên truyền và động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Mèo Vạc khóa XX, kỳ họp thứ Chín thông qua, có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, HS kỳ họp. 



CHỦ TỊCH

Vương Ngọc Hà

BIỂU GIAO CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: **17** /NQ-HĐND, ngày **22** tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Mè Vac)



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
A	Các chỉ tiêu tổng hợp		
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	32.000
2	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	287.587
3	Thu hút khách du lịch	Lượt người	400.000
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	37.20
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	8.50
6	Tỷ lệ hộ dân cư dùng điện sinh hoạt	%	91.00
7	Số tiêu chí xã NTM tăng trong năm	Tiêu chí	13.00
	Số tiêu chí thôn NTM tăng trong năm	Tiêu chí	70.00
	Duy trì và nâng cao chất lượng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới	xã	1.00
8	Tỷ lệ thôn biên giới có điện đạt tiêu chí nông thôn mới	%	97.30
	Tỷ lệ thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu chí nông thôn mới	%	95.00
9	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	99.00
10	Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch (Hợp vệ sinh)	%	100.00
	Trong đó tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93.20
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm	%	6.31
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (lũy tiến)	%	53.00
	Trong đó: XKLD và đi làm việc ngoài tỉnh	người	1.200.00
13	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	26.41
14	Tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh hàng ngày	%	97.80
15	Tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đến trường	%	98.30
16	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.44
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (theo cân nặng) giảm còn	%	21.20

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
18	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin	%	96.00
19	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Người	90,350
20	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	3,181
21	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	1,344
22	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Người	2,799
23	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận làng văn hóa	%	65.33
24	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	66.80
25	Tỷ lệ xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	%	97.30
B	Các chỉ tiêu cụ thể		
*	Giá trị sản xuất Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	956.18
-	Cơ cấu giá trị sản xuất Nông, lâm, thủy sản	%	27.89
-	Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp	%	52.00
-	Giá trị sản phẩm thu hoạch/1ha đất cây trồng hàng năm	Triệu đồng	48.00
*	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	35,509
	Trong đó: + Thóc	Tấn	7,753.85
	+ Ngô	Tấn	27,701.88
	+ Tam giác mạch	Tấn	53.50
*	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	20,192.97
	Tr.đó: Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	20,122.97
1	Cây lương thực	Ha	8,573.77
1.1	Cây lúa ruộng cả năm	Ha	1,318.77
	Năng suất	Tạ/ha	58.80
	Sản lượng	Tấn	7,753.85
a	Cây lúa xuân	Ha	63.00
	Năng suất	Tạ/ha	58.12
	Sản lượng	Tấn	366.16
b	Cây lúa mùa	Ha	1,255.77
	Năng suất	Tạ/ha	58.83

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
	Sản lượng	Tấn	7,387.69
1.2	Cây ngô cả năm	Ha	7,155.00
	Năng suất	Tạ/ha	38.72
	Sản lượng ngô cả năm	Tấn	27,701.88
<i>a</i>	<i>Cây ngô vụ Xuân - Hè (vụ 1)</i>	<i>Ha</i>	<i>7,025.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	38.84
	Sản lượng	Tấn	27,285.10
<i>b</i>	<i>Cây ngô vụ Hè - Thu (vụ 2)</i>	<i>Ha</i>	<i>130.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	32.06
	Sản lượng	Tấn	416.78
1.3	Cây tam giác mạch	Ha	100.00
	Năng suất	Tạ/ha	5.4
	Sản lượng	Tấn	53.5
2	Cây chất bột có củ	Ha	521.20
2.1	Cây khoai lang cả năm	Ha	367.00
	Năng suất	Tạ/ha	55.91
	Sản lượng	Tấn	2,051.90
<i>a</i>	<i>Vụ xuân</i>	<i>Ha</i>	<i>75.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	50.50
	Sản lượng	Tấn	378.75
<i>b</i>	<i>Vụ mùa</i>	<i>Ha</i>	<i>105.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	63.00
	Sản lượng	Tấn	661.50
<i>c</i>	<i>Vụ đông</i>	<i>Ha</i>	<i>187.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	54.10
	Sản lượng	Tấn	1,011.67
2.2	Cây khoai sọ	Ha	57.00
	Năng suất	Tạ/ha	37.30

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
	Sản lượng	Tấn	212.61
2.3	Cây sắn	Ha	46.20
	Năng suất	Tạ/ha	77.50
	Sản lượng	Tấn	358.05
2.4	Cây giống giềng	Ha	51.00
	Năng suất	Tạ/ha	210.00
	Sản lượng	Tấn	1,071.00
3	Cây thức ăn gia súc	Ha	5,500.00
3.1	Diện tích cỏ lưu gốc	Ha	5,250.00
3.2	Diện tích cỏ trồng mới thay thế diện tích thanh lý hàng năm	Ha	250.00
4	Cây thực phẩm	Ha	4,518.00
4.1	Đậu các loại (cả năm)	Ha	1,427.00
	Năng suất	Tạ/ha	7.31
	Sản lượng	Tấn	1,043.14
*	Tr.đó: Vụ đông (Diện tích)	Ha	190.00
	Năng suất	Tạ/ha	7.70
	Sản lượng	Tấn	146.30
4.2	Rau các loại (cả năm)	Ha	3,091.00
	Năng suất	Tạ/ha	49.70
	Sản lượng	Tấn	15,362.27
*	Tr.đó: Vụ đông (Diện tích)	Ha	1,700.00
	Năng suất	Tạ/ha	47.00
	Sản lượng	Tấn	7,990.00
5	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	988.00
5.1	Cây đậu tương (cả năm)	Ha	930
	Năng suất	Tạ/ha	14.54
	Sản lượng	Tấn	1,352.56

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
<i>a</i>	<i>Vụ Xuân - Hè</i>	<i>Ha</i>	<i>230</i>
	Năng suất	Tạ/ha	13.52
	Sản lượng	Tấn	310.96
<i>b</i>	<i>Vụ Hè - Thu</i>	<i>Ha</i>	<i>700</i>
	Năng suất	Tạ/ha	14.88
	Sản lượng	Tấn	1,041.60
5.2	<i>Cây lạc</i>	<i>Ha</i>	<i>58.00</i>
	Năng suất	Tạ/ha	20.50
	Sản lượng	Tấn	118.90
6	Cây lâu năm	Ha	404.12
	Tr.đó: Diện tích trồng mới	Ha	45
6.1	<i>Cây chè</i>	<i>Ha</i>	<i>58.70</i>
	Tr.đó: Diện tích cho sản phẩm	Ha	58.70
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	90.29
6.2	<i>Cây ăn quả (tổng số)</i>	<i>Ha</i>	<i>277.92</i>
*	Tr.đó: DT trồng mới	Ha	45.00
7	<i>Cây dược liệu (tổng số)</i>	<i>Ha</i>	<i>62.50</i>
	<i>Tr.đó: + DT trồng mới trong năm</i>	<i>Ha</i>	<i>47.00</i>
	Cây gừng, nghệ	Ha	22.00
	Tr.đó: DT trồng mới	Ha	22.00
	Cây dược liệu khác	Ha	40.50
	<i>Tr.đó: Diện tích trồng mới</i>	<i>Ha</i>	<i>25.00</i>
II	CHĂN NUÔI		
1	Tổng đàn gia súc	Con	97,000
-	Đàn trâu	Con	4,300
-	Đàn bò	Con	32,400

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
-	Đàn lợn	Con	41,300
-	Đàn dê	Con	19,000
2	Tổng đàn gia cầm	Con	570,000
3	Tổng đàn ong	Đàn	20,000
	- Sản lượng mật ong	Lít	110,000
4	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	20
5	Thụ tinh nhân tạo (trâu, bò)	Con	500
6	Tiêm phòng gia súc	Liều	243,000
III	LÂM NGHIỆP		
1	Trồng mới rừng		100
1.1	Rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	100
1.2	Trồng cây phân tán	Nghìn cây	230.50
2	Bảo vệ rừng	Ha	21,352
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	1,000
IV	Chương trình Cải tạo vườn tạp (Lũy kế)		150
*	Tr.đó: Hộ cải tạo mặt bằng canh tác (đổ đất tạo mặt bằng sản xuất mới)	hộ	35
C	Công nghiệp-TCN		
1	Chế biến chè	Tấn	6.80
2	Gạch các loại	1000 viên	1,620
3	Điện sản xuất ra	Triệu Kwh	1,010
4	Giá trị sản xuất công nghiệp -TCN (giá thực tế)	tỷ đồng	1,158.51
	Trong đó: Giá trị sản xuất thủ công nghiệp	tỷ đồng	60.00
D	Văn hóa- xã hội		
I	Văn hóa- Du lịch		
1	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chí văn hóa trong năm	%	66.80
2	Số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa trong năm	Hộ	11,894

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết năm 2023
3	Số thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu văn hóa	Thôn, tổ	130
4	Doanh thu dịch vụ du lịch, lưu trú và ăn uống	tỷ đồng	200
II Y TẾ - DÂN SỐ - KHHGD			
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm, uống đủ các loại vắc xin	%	96.00
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%	21.20
3	Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.44
III GIÁO DỤC			
1	Tỷ lệ huy động 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	95.50
2	Trong đó: 5 tuổi đi mẫu giáo	%	99.25
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1	%	99.80
4	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi (6-14 tuổi)	%	98.30
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	26.41
6	Huy động học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT và học nghề	%	70.00
IV Lao động, giải quyết việc làm, giảm nghèo			
1	Số lao động được dạy nghề ngắn hạn (đào tạo nghề)	Lao động	500
2	Số lao động được tạo việc làm	Người	2,000
	Trong đó: XKLD và đi làm việc ngoài tỉnh	Người	1,200
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (lũy tiến)	%	53.00
	Trong đó: Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề	%	42.20
4	Số hộ thoát nghèo	Hộ	1,104